

Mấy suy nghĩ về đào tạo chuyên gia khoa học xã hội ở Việt Nam trong điều kiện hiện nay

NGUYỄN VĂN AN - ĐINH ANH TÚ

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, Đảng ta khẳng định: "Khoa học xã hội phải góp phần xứng đáng trong việc đổi mới tư duy xây dựng căn cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xây dựng lập trường, quan điểm, ý thức và nhân cách đúng đắn, khắc phục những tư tưởng sai lầm" (Nghị quyết 26 Bộ Chính trị - Báo Nhân Dân ra ngày 12/4/1991). Như vậy khoa học xã hội có nhiệm vụ rất nặng nề, quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta hiện nay. Đội ngũ chuyên gia khoa học xã hội là lực lượng lòng cốt để thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của khoa học xã hội.

Chuyên gia khoa học xã hội theo cách hiểu thông thường là một nhà khoa học xã hội có những hiểu biết cơ bản, sâu sắc một lĩnh vực của một ngành nào đó trên cơ sở hiểu biết rộng và chắc chắn về ngành đó. Ngành khoa học nào cũng có một lĩnh vực và đối tượng riêng. Không có một nhà khoa học nào có thể hiểu biết được hết tất cả các đối tượng, các lĩnh vực cụ thể khác nhau trong một ngành khoa học nhất là trong điều kiện khoa học đã phân thành các ngành riêng lẻ, và trong mỗi ngành lại xuất hiện những đối tượng, địa bàn riêng của nó. Khả năng của trí tuệ con người, dù rộng lớn đến đâu cũng không thể làm chủ được toàn bộ một ngành khoa học nào đó - nhất là trong thời đại ngày nay đang diễn ra những "bùng nổ thông tin", những phát hiện rộng khắp, liên tiếp trong mọi lĩnh vực hiểu biết của con người.

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội ở các viện nghiên cứu, việc xác định hướng chuyên sâu trong một ngành và trên cơ sở đó để đào tạo chuyên gia là một vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt. Ở các viện chuyên ngành việc xác định hướng chuyên sâu trong từng ngành khoa học xã hội nên chú ý những nguyên tắc sau đây:

- Mỗi lĩnh vực chuyên sâu cần chuyên gia, phải có những cơ sở vật chất về mặt khoa học và đội ngũ cán bộ.
- Cần có tỷ lệ thích đáng giữa các hướng chuyên sâu trong một viện để thể hiện mối quan hệ giữa nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng và triển khai:

a) Phần chuyên sâu về lý luận cơ bản

b) Phần chuyên sâu về lý luận chuyên ngành

c) Phần chuyên sâu về các đối tượng và đề tài cần thiết khác (thí dụ như một giai đoạn lịch sử, một giai đoạn văn học, một đề tài khoa học mới nảy sinh cần xử lý một nhân vật có tầm cỡ như Lê Quý Đôn, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh...) Phần nghiên cứu cơ bản là phần nghiên cứu những vấn đề đại cương, những qui luật và nguyên lý chung nhất của một ngành khoa học và lịch sử tổng thể của đối tượng. Phần nghiên cứu ứng dụng là những lý luận chuyên về những đối tượng cụ thể, những vấn đề cụ thể phát sinh trong cuộc sống xã hội. Ví dụ lý luận về giá cả, về đầu tư, về xã hội học dân số, gia đình, về thi pháp trong tiểu thuyết...

Ở cả ba bình diện lý luận cơ bản, lý luận chuyên ngành và các vấn đề khoa học thực tiễn đều cần có chuyên gia khoa học.

Theo chúng tôi, chuyên gia khoa học xã hội học hiện nay cần có 4 tiêu chuẩn:

1- Có một trình độ học vấn rộng (diện hiểu biết rộng bao gồm triết học, lịch sử và một số môn có liên quan đến ngành chuyên môn hẹp của mình và một trình độ hiểu biết thực sự chuyên sâu suốt đời về một lĩnh vực khoa học nhất định.

2 - Có khả năng đề xuất những kiến giải có giá trị khoa học đối với những vấn đề kinh tế xã hội, văn hóa ... của đất nước và qua đó làm giàu thêm cho môn khoa học của mình về lý luận học thuật và phương pháp nghiên cứu.

3 - Có trình độ nhận thức chính trị vững vàng có tầm thời đại, đủ sức lý giải và phân biệt đúng, sai những vấn đề quốc tế, xác định lập trường lý tưởng và hướng đi khoa học đúng đắn của mình.

4 - Có một ngoại ngữ chính, trình độ: đọc, viết, nghe, nói thông thạo và một ngoại ngữ phụ.

Ở một số nước có học vị tiến sĩ hoặc tiến sĩ cấp 3 chỉ mới là những nghiên cứu viên chính thức được thừa nhận bằng một luận án. Họ chưa phải là chuyên gia khoa học mà là những đối tượng có thể đào tạo thành chuyên gia. Chỉ khi nào họ viết được một số công trình theo hướng chuyên môn hẹp mang tính liên tục (kế tiếp nhau) và tính phát triển đi sâu vào chuyên ngành thì mới có thể xem họ là chuyên gia. Những công trình đó là sách hoặc một hệ thống các bài tiểu luận khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học được bạn đọc và những người trong giới thừa nhận là có một vị trí nhất định trong đời sống khoa học. Bình thường ở các nước thì từ phó tiến sĩ hoặc tiến sĩ cấp đến khi trở thành chuyên gia ít nhất mất 10 năm thử thách. Cũng nó xét về mặt học vị thì một người nghiên cứu đạt học vị tiến sĩ khoa học (Liên Xô và các nước Đông Âu, hoặc tiến sĩ quốc gia như ở Pháp) thì đến khi trở thành chuyên gia loại cao thường mất từ 10 đến 15 năm.

Có những người không có học vị nhưng do đối tượng nghiên cứu có tính chất chuyên ngành, do kiến thức tích lũy được thể hiện bằng những công trình trong quá trình nghiên cứu khoa học được sự thừa nhận trong giới nghiên cứu và bạn đọc, họ vẫn có thể được coi là những chuyên gia khoa học, thậm chí chuyên gia cấp cao (như một số giáo sư của ta hiện nay). Như vậy, chuyên gia khoa học của một chuyên ngành nào đó là người có tư cách khoa học cao, đáng tin cậy khi phát biểu về những vấn đề khoa học của ngành đó, nhất là khi đưa ra những kiến giải hay kiến nghị khoa học về những vấn đề đang đặt ra thuộc trách nhiệm của ngành đó. Bởi vậy xác định ai là chuyên gia là để phát hiện tài năng, sử dụng và có chính sách đúng đắn đối với các tài năng khoa học. Khi cần xử lý các đề tài khoa học lớn, nhất là các đề tài cấp nhà nước, quốc gia, trước hết cần tìm đúng chuyên gia và tập hợp họ để làm việc. Hiện nay ta có những chuyên gia đặc biệt (ứng với các giáo sư) là người hiểu sâu một chuyên ngành đồng thời có kiến thức rộng toàn ngành, có lý luận cao và thực tiễn sâu; có chuyên gia cấp cao (ứng với các phó giáo sư) là người có trình độ như chuyên gia đặc biệt nhưng ở mức thấp hơn, là người có trình độ am hiểu sâu một chuyên đề khoa học. Chuyên gia khoa học có hai loại chính:

- Chuyên gia lý luận khoa học và

- Chuyên gia quản lý khoa học (như kế hoạch khoa học, đào tạo cán bộ khoa học, tổ chức bộ máy khoa học, thông tin, tư liệu, thư viện và xuất bản ấn phẩm khoa học)

Mỗi viện nghiên cứu phải là nơi tập hợp các chuyên gia khoa học và mỗi cán bộ nghiên cứu phải phấn đấu trở thành một chuyên gia trên một lĩnh vực nhất định trong hệ thống các vấn đề khoa học của viện. Không nên để tình trạng như hiện nay, nhiều cán bộ không đi vào một lĩnh vực, không có một định hướng khoa học rõ ràng, lâu dài. Do đó từ nay đến năm 2000 nên khuyến khích các cán bộ nghiên cứu dưới 50 tuổi đi vào con đường đào tạo chuyên gia khoa học. Nên chọn số phó tiến sĩ trẻ, có năng lực thực sự để đào tạo thành chuyên gia khoa học. Năm 1992 cần có kế hoạch tận dụng khả năng của các giáo sư đã có tuổi (kể cả người đã về hưu) vào việc thực hiện kế hoạch này. Ngoài ra nên chọn một số người cho đi đào tạo hẳn ở nước ngoài (kể cả những nước phương Tây). Hướng lý tưởng, ở mỗi viện nghiên cứu, đến năm 2000 có khoảng 10 chuyên gia khoa học. Theo chúng tôi, đào tạo không nên tràn lan, mỗi viện nghiên cứu nên chọn khoảng từ 10 đến 15 người có triển vọng trở thành chuyên gia để tạo mọi điều kiện cho họ phấn đấu qua thực tiễn công tác và qua đào tạo, bồi dưỡng về mặt lý luận. Nên giao cho mỗi giáo sư 2 cán bộ trẻ có triển vọng để trực tiếp bồi dưỡng thành người kế cận

về trình độ khoa học. Còn số cán bộ khác, thì đào tạo bình thường theo hướng chính qui và ai nổi lên trong thực tiễn nghiên cứu khoa học thì sẽ có kế hoạch đầu tư kịp thời, từng bước bồi dưỡng đào tạo cho thành chuyên gia khoa học xã hội.

Để có được một đội ngũ chuyên gia khoa học xã hội trong một thời gian ngắn, theo chúng tôi phải đẩy mạnh và đặc biệt quan tâm tới vấn đề đào tạo phó tiến sĩ khoa học xã hội. Khái niệm chuyên gia khoa học xã hội không đồng nhất với khái niệm tiến sĩ và phó tiến sĩ khoa học xã hội. Đào tạo phó tiến sĩ khoa học xã hội chỉ là một công đoạn của qui trình đào tạo chuyên gia. Phó tiến sĩ và tiến sĩ hiện nay mới chỉ là điều kiện "cần", chứ chưa "đủ" để hình thành một chuyên gia khoa học xã hội.

Theo chúng tôi, nên chú ý đẩy mạnh khâu đào tạo phó tiến sĩ khoa học xã hội, vì đây là một công đoạn quan trọng trong quá trình thành một chuyên gia khoa học xã hội.

Bảng : Số lượng tiến sĩ và phó tiến sĩ các lĩnh vực khoa học qua các thời kỳ
(Số liệu của Ủy ban Khoa học Nhà nước, tính đến tháng 4-1992)

Lĩnh vực khoa học	Đến 1976		Từ 1977-1982				Từ 1983-1986				Từ 1987-1990					
	Phó tiến sĩ		Tiến sĩ		Phó tiến sĩ		Tiến sĩ		Phó tiến sĩ		Tiến sĩ		Phó tiến sĩ			
	2774	97	2089	63	1403	92	1710	116								
	Đảng viên	Ngoài Đảng viên	Đảng viên	Ngoài Đảng viên	Đảng viên	Ngoài Đảng viên	Đảng viên	Ngoài Đảng viên	Đảng viên	Ngoài Đảng viên	Đảng viên	Ngoài Đảng viên	Đảng viên	Ngoài Đảng viên		
Khoa học tự nhiên	357	382	6	31	182	302	8	14	167	259	25	14	192	214	28	18
Khoa học kỹ thuật	988	272	0	11	295	266	11	15	194	195	17	8	202	149	28	1
Khoa học y học	66	31	18	11	55	54	1	0	57	59	4	0	64	37	4	2
Khoa học nông nghiệp	111	37	1	3	34	58	1	3	50	59	3	3	51	43	6	2
Khoa học xã hội	204	331	2	13	237	626	7	3	209	154	16	2	289	409	21	4
CỘNG	1721	1053	27	70	803	1286	28	35	677	726	65	27	798	912	89	27

Như vậy số lượng cán bộ khoa học xã hội đưa đi đào tạo để có trình độ trên đại học cũng tương đương như các lĩnh vực khoa học khác. Nhưng tại sao đội ngũ chuyên gia khoa học xã hội kể cận lại bị hững hờ đến mức báo động như hiện nay.

Theo chúng tôi, nhiều năm qua, về khoa học xã hội chưa có quy hoạch và kế hoạch đào tạo cán bộ nghiên cứu có trình độ trên đại học. Số cán bộ khoa học xã hội có học vị tiến sĩ phó tiến sĩ bị mất cân đối nghiêm trọng. Thí dụ như ở Viện Khoa học xã hội Việt Nam (số liệu của Tổng điều tra cơ bản, tính đến ngày 31/12/1990) thì số cán bộ có học vị tiến sĩ và phó tiến sĩ như sau: Triết học: 12; Kinh tế học: 21; Lịch sử: 35; Ngữ văn: 44; Luật học: 5; Tâm lý: 1; Nghệ thuật: 2; Địa lý: 4.

Trong từng chuyên ngành, tình trạng mất cân đối cũng diễn ra tương tự: như trong nhóm ngành triết học có 9 chuyên ngành thì chỉ có 6 chuyên ngành được đào tạo. Có chuyên ngành được đào tạo nhiều, có chuyên ngành lại không được đào tạo. Hoặc trong nhóm ngành kinh tế học có 21 chuyên ngành thì chỉ mới có 7 chuyên ngành được đào tạo, có chuyên ngành được đào tạo nhiều và cũng còn nhiều chuyên ngành không được đào tạo (trong nước và ngoài nước). Mặt khác nhiều năm qua các ngành mũi nhọn chưa xác định được nên số cán bộ có học vị ở những chuyên ngành này còn quá ít.

Về chất lượng đào tạo nói chung là quá thấp, luận án đa số thiên về lý thuyết, ít ứng dụng và triển khai vào thực tiễn đời sống xã hội nên phát huy tác dụng chưa cao. Như ở Viện Khoa học xã hội Việt Nam có 125 phó tiến sĩ thì có 14 phó tiến sĩ sau khi được công nhận về học vị chưa có công trình khoa học, bài viết nghiên cứu (số liệu tính đến 2/8/1989). Một số phó tiến sĩ thì không khả năng chuyên môn để giải quyết những vấn đề khoa học đặt ra theo hướng dẫn chuyên sâu chuyên ngành được đào tạo, không có đủ trình độ ngoại ngữ để tiếp cận thông tin khoa học v.v... Nói chung trình độ một số phó tiến sĩ đã được đào tạo không hơn mấy những người chưa được đào tạo.

Vậy thì những nguyên nhân nào ảnh hưởng hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoặc gián tiếp đến chất lượng đào tạo phó tiến sĩ khoa học xã hội hiện nay.

Theo chúng tôi, nhiều năm qua ta chưa có nhận thức đúng đắn vai trò và sức mạnh đích thực của khoa học xã hội, chưa thấy được nhiệm vụ chủ yếu của khoa học xã hội như Nghị quyết 26 của Bộ chính trị Đảng ta đã chỉ ra. Vấn đề nhận thức này chi phối toàn bộ mọi hoạt động của khoa học xã hội. Cho nên chính khoa học xã hội cũng chưa xây dựng được chiến lược phát triển của mình. Điều đó dẫn đến cơ chế, tổ chức bộ máy vận hành của khoa học xã hội cũng chưa thật ổn định và khoa học, ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều vấn đề cụ thể. Kinh phí đầu tư cho khoa học xã hội còn quá thấp, vài năm gần đây, tỷ lệ đầu tư cho khoa học (mà tỷ lệ của khoa học xã hội rất thấp) nói chung là 0,5% ngân sách. Trong khi đó năm 1980 ở Liên Xô tỷ lệ này là 4,0%, Hunggari = 3,7%, năm 1985 ở Mỹ là 2,8%, Anh là 2,3%, Nhật là 2,6% (Nguồn "Thông tin kinh tế thế giới và quan hệ quốc tế" số 1-1989 - Bộ ngoại giao).

Các vấn đề đào tạo trong suốt quá trình học tập của nghiên cứu sinh như đề tài nghiên cứu ý thức trách nhiệm trong học tập, kỷ cương, các điều kiện học tập cũng chưa được quan tâm đầy đủ... Đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo vừa thiếu lại vừa yếu (ở phạm vi vĩ mô và vi mô). Hệ thống bộ máy quản lý khoa học xã hội chưa làm hết chức năng của mình trong công tác đào tạo chuyên gia khoa học xã hội: như quản lý chưa chặt chẽ các đề tài luận án, chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc.

Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học xã hội thấp, thì tất nhiên kinh phí dành cho việc đào tạo cán bộ lại càng ít. Kinh phí ít thì thiếu cơ sở vật chất cho đào tạo, chất lượng khảo nghiệm thực tế của nghiên cứu sinh kém, hiệu quả làm việc giữa giáo sư hướng dẫn và nghiên cứu sinh không cao v.v... Mặt khác còn do chế độ chính sách (về vật chất và tinh thần) chưa đầy đủ đối với những đối tượng này. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến cả "thầy" và "trò" chưa chuyên tâm vào việc học và dạy. Mà sự chuyên tâm là yếu tố trước tiên cần có để đảm bảo hiệu quả của công tác đào tạo. Không bảo đảm cuộc sống, nghiên cứu sinh phải tự lo liệu nên có trường hợp đi buôn và khi có tiền thì cũng có thể mua luận án bằng bất kỳ giá nào. Giáo sư hướng dẫn bị phân tán bởi nhiều việc ngoài chuyên môn mà vẫn phải làm để kiếm sống. Vấn đề trên còn ảnh hưởng trực tiếp đến kỷ cương, ý thức trách nhiệm và nhiều vấn đề khác của "thầy" và "trò" v.v...

Trong thời đại ngày nay, không thể trở thành chuyên gia khoa học mà lại không biết một ngoại ngữ nào, nhưng trong thực tế hiện nay hiện tượng này vẫn diễn ra.

Thực tiễn xã hội là vô cùng quan trọng đối với nghiên cứu khoa học xã hội và cán bộ nghiên cứu khoa học xã hội chỉ có thể trở thành chuyên gia khoa học xã hội nếu gắn chặt mình với thực tế sinh động của đất nước. Chính trải qua thực tiễn cuộc sống mà cán bộ nghiên cứu khoa học xã hội nhanh chóng trở thành chuyên gia có trình độ lý luận cao và đầu óc thực tiễn phong phú, đủ sức kiến giải những đề tài của đất nước. Vì vậy khi tuyển nghiên cứu sinh và trong suốt quá trình học tập của nghiên cứu sinh, phải chú ý tới yếu tố này và tổ chức thật tốt việc gắn chặt lý luận với thực tế. Cũng vì thế không nên có chế độ chuyển tiếp sinh về khoa học xã hội.

Quan hệ giữa giáo sư hướng dẫn và nghiên cứu sinh là quan hệ xuyên suốt và chi phối tới chất lượng đào tạo nghiên cứu sinh. Hiện nay một số giáo sư hướng dẫn có đủ tiêu chuẩn (theo qui chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo) nhưng lại không am hiểu sâu sắc chuyên ngành mà nghiên cứu sinh được đào tạo. Một số nghiên cứu sinh thì 1 năm mới gặp thầy một vài lần và thời gian làm việc lại quá ít. Theo chúng tôi giáo sư hướng dẫn chịu trách nhiệm về những kiến

thức mà nghiên cứu sinh tiếp thu trong quá trình học tập và hoàn thành luận án theo hướng dẫn chuyên sâu của mình. Nên chăng áp dụng phổ biến chế độ "ký hợp đồng" trong đào tạo và thực hiện cơ chế đào tạo có "ĐỊA CHỈ". Địa chỉ của nhu cầu đào tạo, Địa chỉ của nội dung kiến thức cần đào tạo, Địa chỉ của cơ quan đào tạo v.v... "ĐỊA CHỈ" ở đây được hiểu theo nghĩa rộng. Cơ chế này thể hiện sự ràng buộc trách nhiệm trong các mối quan hệ về đào tạo, hướng tới hiệu quả đào tạo nghiên cứu sinh đạt chất lượng cao hơn. Giáo trình đào tạo nghiên cứu sinh (giáo trình thi tuyển, giáo trình bồi dưỡng kiến thức tối thiểu) hiện nay chưa đầy đủ ở các chuyên ngành được đào tạo nghiên cứu sinh. Thực trạng hiện nay một số phó tiến sĩ khoa học xã hội không những thiếu kiến thức cơ sở, cơ bản, chuyên ngành, mà phần đông còn thiếu kiến thức chuyên ngành, thiếu thông tin khoa học (trong nước và thế giới, nhất là vùng những nước láng giềng), trong khi đó nhu cầu khách quan lại đòi hỏi rất lớn về mặt này. Những thông tin khoa học cập nhật là rất cần thiết, nhưng hiện nay ta chưa đầu tư thích đáng, tư liệu, sách vở quá ít ỏi phục vụ cho đào tạo nghiên cứu sinh. Nên có những quy định nghiêm ngặt để nghiên cứu sinh đọc tài liệu, thu nhận thông tin khoa học.

Phần nhiều đề tài nghiên cứu sinh là nghiên cứu cơ bản, thiên về lý thuyết quá nhiều, những nghiên cứu triển khai và ứng dụng ít. Đó cũng là một vấn đề cần cân đối lại. Cần có những hình thức, qui trình đào tạo thích hợp cho từng loại nghiên cứu sinh. Những thủ tục hành chính cần có hiệu quả hơn, đầy đủ và ngắn gọn hơn, tránh vòng vèo, gây lãng phí thời gian, tiền của.

Tất cả các vấn đề trên cần được đổi mới để việc đào tạo chuyên gia khoa học xã hội ngày một tốt hơn .